

CÔNG TY CỔ PHẦN FIDITOUR

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2016	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016	8
Thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc	9 – 21

CÔNG TY CỔ PHẦN FIDITOUR

127-129-129A Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé,
Quận 01, Tp. HCM, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Fiditour (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016.

CÁC THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Fiditour được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103003065 ngày 24 tháng 01 năm 2005 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 09 tháng 04 năm 2013.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 127-129-129A Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 30.545.000.000 VND.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Việt Hùng	Chủ tịch
Ông Phạm Thanh Bình	Phó Chủ tịch
Ông Đoàn Thiện Tánh	Ủy viên
Ông Đặng Trung Nghĩa	Ủy viên
Bà Lê Thị Hoàng Hà	Ủy viên
Ông Huỳnh Bá Lân	Ủy viên
Bà Thái Diệu Hà	Ủy viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Việt Hùng	Tổng Giám đốc
Ông Đoàn Thiện Tánh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Trung Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên của RSM Quốc tế.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Việt Hùng
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2016

Số: 17.150/BCSX-RSM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN FIDITOUR**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Fiditour, được lập ngày 10 tháng 08 năm 2016, từ trang 05 đến trang 21, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Fiditour chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Lục Thị Vân

**KT. Tổng giám đốc
Phó Tổng giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0172-2013-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2016

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 2.3 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		98.171.752.649	77.640.581.696
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	8.714.203.009	16.315.510.404
1. Tiền	111		8.714.203.009	16.247.203.082
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	68.307.322
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		51.513.767.878	41.621.373.450
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	25.691.784.093	23.092.185.115
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		17.203.596.334	11.644.153.392
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	8.618.387.451	6.885.034.943
IV. Hàng tồn kho	140		34.378.713.581	15.875.886.545
1. Hàng tồn kho	141	5.4	34.378.713.581	15.875.886.545
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.565.068.181	3.827.811.297
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.303.232.128	1.408.049.666
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		40.590	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		2.261.795.463	2.419.761.631
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		27.654.981.087	29.242.989.583
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		625.824.400	716.824.400
1. Phải thu dài hạn khác	216		625.824.400	716.824.400
II. Tài sản cố định	220		12.022.452.541	13.185.436.781
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.5	11.929.826.694	13.079.255.932
Nguyên giá	222		46.675.710.613	46.675.710.613
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(34.745.883.919)	(33.596.454.681)
2. Tài sản cố định vô hình	227		92.625.847	106.180.849
Nguyên giá	228		315.932.576	315.932.576
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(223.306.729)	(209.751.727)
III. Bất động sản đầu tư	230		10.481.340.586	10.481.340.586
1. Nguyên giá	231	5.6	10.481.340.586	10.481.340.586
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		3.380.780.000	3.474.390.400
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		3.638.780.000	3.864.430.862
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(258.000.000)	(390.040.462)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.144.583.560	1.384.997.416
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.144.583.560	1.384.997.416
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		125.826.733.736	106.883.571.278

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/01/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		96.603.379.172	77.720.881.685
I. Nợ ngắn hạn	310		87.579.580.525	67.748.136.978
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	5.8	7.104.282.151	4.912.882.020
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		44.666.895.307	20.791.475.520
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		215.685.949	-
4. Phải trả người lao động	314		-	460.230.930
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		825.782.907	2.124.751.308
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.9	15.761.594.650	16.713.548.038
7. Phải trả ngắn hạn khác	319		4.651.749.779	2.154.792.181
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.7	14.353.589.782	20.590.456.981
II. Nợ dài hạn	330		9.023.798.647	9.972.744.707
1. Phải trả dài hạn khác	337		1.568.630.666	1.106.630.666
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.7	7.455.167.981	8.866.114.041
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		29.223.354.564	29.162.689.594
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.10	29.223.354.564	29.162.689.594
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		30.545.000.000	30.545.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		30.545.000.000	30.545.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		6.471.833.326	6.471.833.326
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(7.793.478.762)	(7.854.143.732)
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		(7.854.143.732)	4.258.080.108
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		60.664.970	(12.112.223.840)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		125.826.733.736	106.883.571.278



NGUYỄN VIỆT HÙNG
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2016

LÊ THỊ HOÀNG HÀ
Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ THẢO VI
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN FIDITOURĐịa chỉ: 127-129-129A Nguyễn Huệ, Phường Bến
Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2016

Mẫu số B 02a - DN**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		195.491.021.641	221.107.929.521
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		148.343.790	508.520.112
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	5.11	195.342.677.851	220.599.409.409
4. Giá vốn hàng bán	11	5.12	179.344.875.132	211.394.075.534
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		15.997.802.719	9.205.333.875
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		487.631.825	234.020.427
7. Chi phí tài chính	22		1.280.274.764	602.525.387
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		1.142.647.038	602.535.387
8. Chi phí bán hàng	24	5.13	4.480.506.938	4.455.347.515
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.14	10.668.070.794	13.568.581.553
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		56.582.048	(9.187.100.153)
11. Thu nhập khác	31		21.898.836	639.560.338
12. Chi phí khác	32		17.815.914	8.000.000
13. Lợi nhuận khác	40		4.082.922	631.560.338
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		60.664.970	(8.555.539.815)
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		60.664.970	(8.555.539.815)
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		20	(2.801)
17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		20	(2.801)

**NGUYỄN VIỆT HÙNG**

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2016

LÊ THỊ HOÀNG HÀ

Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ THẢO VI

Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		60.664.970	(8.555.539.815)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		1.162.984.240	1.661.612.262
Các khoản dự phòng	03		(132.040.462)	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(217.521.780)	(232.611.185)
Chi phí lãi vay	06		1.142.647.038	602.535.387
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		2.016.734.006	(6.524.003.351)
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(9.643.468.850)	(30.142.110.956)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(18.502.827.036)	(4.752.253.493)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		26.530.310.746	36.728.710.626
Tăng giảm chi phí trả trước	12		345.231.394	(332.765.407)
Tiền lãi vay đã trả	14		(1.142.647.038)	(602.535.387)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(396.666.778)	(5.624.957.968)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(14.735.555.132)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		88.023.136	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		355.149.506	232.611.185
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		443.172.642	(14.502.943.947)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33		30.662.999.038	28.546.697.982
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(38.310.812.297)	(13.133.077.168)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu	36		-	(1.527.250.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(7.647.813.259)	13.886.370.814
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(7.601.307.395)	(6.241.531.101)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		16.315.510.404	16.102.533.151
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		8.714.203.009	9.861.002.050



NGUYỄN VIỆT HÙNG

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2016

LÊ THỊ HOÀNG HÀ

Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ THẢO VI

Người lập biểu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Fiditour (dưới đây gọi tắt là Công ty) được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103003065 ngày 24 tháng 01 năm 2005 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 09 tháng 04 năm 2013.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 30.545.000.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 127-129-129A Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 là 336 (31 tháng 12 năm 2015 là: 424).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh dịch vụ.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Kinh doanh lưu trú du lịch: khách sạn;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (môi giới vận tải, đại lý bán vé máy bay, tàu hỏa, tàu thủy), vận tải hàng hóa bằng đường bộ (đại lý vận chuyển hàng hóa);
- Điều hành tour du lịch (dịch vụ lữ hành nội địa và quốc tế), vận tải hành khách đường bộ khác (kinh doanh vận chuyển hành khách theo hợp đồng bằng ô tô);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (kinh doanh nhà hàng), bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lá lưu động hoặc tại chợ (mua bán rượu, thuốc lá điều sản xuất trong nước);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (kinh doanh nhà ở, cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà làm việc).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

2.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****3.1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016.

3.3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Các chính sách kế toán áp dụng để lập báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 thống nhất với các chính sách kế toán đã áp dụng để lập báo cáo tài chính năm 2015.

5. CÁC SỰ KIỆN HOẶC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU TRONG KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Tiền mặt	2.615.903.272	2.261.473.287
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.098.299.737	13.985.729.795
Các khoản tương đương tiền	-	68.307.322
Cộng	8.714.203.009	16.315.510.404

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

5.2. Phải thu của khách hàng

Các khoản phải thu ngắn hạn của từng khách hàng chiếm tỷ trọng dưới 10% trên tổng số nợ phải thu khách hàng.

Phải thu khách hàng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Phải thu từ hoạt động hướng dẫn du lịch	1.183.558.750	3.048.642.899
Phải thu từ hoạt động bán vé máy bay	21.948.622.739	17.764.166.393
Phải thu từ hoạt động khác	2.559.602.604	2.279.375.823
Cộng	25.691.784.093	23.092.185.115

5.3. Phải thu khác

	Tại ngày 30/06/2016 VND		Tại ngày 01/01/2016 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Tạm ứng	6.754.130.732	-	5.266.677.723	-
Phải thu BHXH	839.599.717	-	847.896.144	-
Phải thu khác	1.024.657.002	-	770.461.076	-
Cộng	8.618.387.451	-	6.885.034.943	-
Dài hạn:				
Ký quỹ	625.824.400	-	716.824.400	-

5.4. Hàng tồn kho

	Tại ngày 30/06/2016 VND		Tại ngày 01/01/2016 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	254.270	-	899.451	-
Công cụ, dụng cụ	423.187.491	-	441.378.400	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	33.946.958.587	-	15.407.825.981	-
Hàng hóa	8.313.233	-	25.782.713	-
Cộng	34.378.713.581	-	15.875.886.545	-

Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang chủ yếu là tập hợp chi phí của các tour du lịch chưa được quyết toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

5.5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình					
Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2016	29.705.558.229	4.497.687.950	9.853.977.918	2.618.486.516	46.675.710.613
Tại ngày 30/06/2016	29.705.558.229	4.497.687.950	9.853.977.918	2.618.486.516	46.675.710.613
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2016	26.075.802.458	3.562.987.963	1.984.615.658	1.973.048.602	33.596.454.681
Khấu hao trong kỳ	540.181.861	16.547.514	486.179.943	106.519.920	1.149.429.238
Tại ngày 30/06/2016	26.615.984.319	3.579.535.477	2.470.795.601	2.079.568.522	34.745.883.919
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2016	3.629.755.771	934.699.987	7.869.362.260	645.437.914	13.079.255.932
Tại ngày 30/06/2016	3.089.573.910	918.152.473	7.383.182.317	538.917.994	11.929.826.694

Giá trị còn lại tại ngày 30/06/2016 của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp cho các khoản vay là 7.677.564.954 VND – Xem thêm mục 5.7.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 21.208.847.867 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

5.6. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất mua vào trong năm với mục đích đầu tư chờ tăng giá. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị đang ghi sổ. Do đó, không có tổn thất do giảm giá trị đối với bất động sản đầu tư được ghi nhận trong kỳ báo cáo.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

5.7. Vay

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2016 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 01/01/2016 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	14.353.589.782	14.353.589.782	30.662.999.038	36.899.866.237	20.590.456.981	20.590.456.981
Vay dài hạn						
Thời hạn vay 54 tháng	4.353.333.466	4.353.333.466	-	803.636.328	5.156.969.794	5.156.969.794
Thời hạn vay 60 tháng	3.101.834.515	3.101.834.515	-	607.309.732	3.709.144.247	3.709.144.247
Cộng	7.455.167.981	7.455.167.981	-	1.410.946.060	8.866.114.041	8.866.114.041

Các khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng tài sản cố định dùng thế chấp theo các hợp đồng thế chấp với giá trị còn lại là 7.677.564.954 VND – Xem thêm mục 5.5

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

5.8. Phải trả người bán

Các khoản phải trả cho từng người bán chiếm tỷ trọng dưới 10% trên tổng số phải trả người bán và có khả năng trả nợ 100%.

5.9. Doanh thu chưa thực hiện

	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Ngắn hạn:		
Dịch vụ hướng dẫn du lịch	13.584.906.943	16.148.427.280
Dịch vụ cho thuê mặt bằng nhận trước	381.641.224	435.938.969
Hoạt động khác	1.795.046.483	129.181.789
Cộng	15.761.594.650	16.713.548.038

5.10. Vốn chủ sở hữu

5.10.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ VND	Cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2015	30.545.000.000	11.335.886.434	41.880.886.434
Lỗ trong 6 tháng đầu năm trước	-	(8.555.539.815)	(8.555.539.815)
Số dư tại ngày 30/06/2015	30.545.000.000	2.780.346.618	33.325.346.618
Lỗ trong 6 tháng cuối năm trước	-	(3.556.684.025)	(3.556.684.025)
Sử dụng quỹ	-	(542.773.000)	(542.773.000)
Giảm khác	-	(63.200.000)	(63.200.000)
Số dư tại ngày 01/01/2016	30.545.000.000	(1.382.310.406)	29.162.689.594
Lãi trong 6 tháng đầu năm nay	-	60.664.970	60.664.970
Số dư tại ngày 30/06/2016	30.545.000.000	(1.321.645.436)	29.223.354.564

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**5.10.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Vốn góp của Nhà nước	6.000.000.000	6.000.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	24.545.000.000	24.545.000.000
Cộng	30.545.000.000	30.545.000.000

5.10.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.054.500	3.054.500
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.054.500	3.054.500
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.054.500	3.054.500
Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần		

5.11. Doanh thu cung cấp dịch vụ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ hướng dẫn du lịch	143.090.230.104	118.564.239.515
Doanh thu bán vé máy bay	36.244.998.419	84.689.559.642
Doanh thu tour F&E	3.407.723.336	4.845.595.859
Doanh thu cung cấp dịch vụ khách sạn	3.865.690.399	4.229.373.800
Doanh thu cung cấp dịch vụ ăn uống	93.348.022	1.078.971.008
Doanh thu cho thuê mặt bằng	3.673.048.006	3.391.151.755
Doanh thu cung cấp dịch vụ vận chuyển	4.498.418.652	3.557.956.525
Doanh thu hoạt động khác	617.564.703	751.081.417
Hàng bán bị trả lại	(148.343.790)	(485.362.419)
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	(23.157.693)
Cộng	195.342.677.851	220.599.409.409

5.12. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn của dịch vụ hướng dẫn du lịch	134.969.032.438	115.015.033.075
Giá vốn của hoạt động bán vé máy bay	32.262.127.507	81.339.419.885
Giá vốn tour F&E	3.038.845.770	4.597.604.367
Giá vốn của dịch vụ khách sạn	1.581.014.447	1.949.631.328
Giá vốn của dịch vụ ăn uống	55.557.859	1.260.433.525
Giá vốn của hoạt động cho thuê mặt bằng	1.050.602.865	1.157.177.893
Giá vốn của dịch vụ vận chuyển	3.541.443.264	3.042.695.790
Giá vốn của hoạt động khác	357.322.392	413.335.461
Giá vốn kinh doanh chung	2.488.928.590	2.618.744.210
Cộng	179.344.875.132	211.394.075.534

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**5.13. Chi phí bán hàng**

Chi phí bán hàng chủ yếu là chi phí giới thiệu, quảng cáo.

5.14. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	8.188.982.601	9.384.058.385
Chi phí vật liệu quản lý	94.230.899	278.814.840
Chi phí khấu hao TSCĐ	678.913.902	1.146.775.640
Chi phí dịch vụ mua ngoài	435.900.049	485.738.155
Chi phí bằng tiền khác	1.270.043.343	2.273.194.533
Cộng	10.668.070.794	13.568.581.553

5.15. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	965.234.253	1.896.583.228
Chi phí nhân công	21.365.383.693	23.626.616.305
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.162.984.240	1.661.612.262
Chi phí dịch vụ mua ngoài	167.414.703.016	199.058.547.220
Chi phí khác bằng tiền	3.585.147.662	3.174.645.587
Cộng	194.493.452.864	229.418.004.602

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

5.16. Báo cáo bộ phận

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Dịch vụ hướng dẫn du lịch
- Bán vé máy bay
- Dịch vụ khác

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2016

ĐVT: 1.000.000VND

	<u>Dịch vụ hướng dẫn du lịch</u>		<u>Bán vé máy bay</u>		<u>Hoạt động khác</u>		<u>Loại trừ</u>		<u>Tổng cộng</u>	
	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Doanh thu										
Từ khách hàng bên ngoài	151.971	118.564	77.403	89.050	17.630	12.985	-	-	195.343	220.599
Giữa các bộ phận	5.473	3.866	41.306	46.596	4.882	5.006	(51.661)	(55.468)	-	-
Cộng	157.445	122.430	118.708	135.646	22.511	17.991	(51.661)	(55.468)	195.343	220.599
Kết quả hoạt động kinh doanh										
Kết quả của bộ phận	8.490	3.549	3.835	3.113	6.162	5.162			18.487	11.824
Chi phí không phân bổ									17.638	20.651
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính									849	(8.827)
Thu nhập tài chính									488	234
Chi phí tài chính									1.280	603
Thu nhập khác									4	640
Lợi nhuận trước thuế									61	(8.556)
Thuế thu nhập doanh nghiệp									-	-
Lợi nhuận sau thuế									61	(8.556)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Các thông tin khác

ĐVT: 1.000.000VND

	<u>Dịch vụ hướng dẫn du lịch</u>		<u>Bán vé máy bay</u>		<u>Hoạt động khác</u>		<u>Loai trừ</u>		<u>Tổng cộng</u>	
	<u>Tại ngày 30/6/2016</u>	<u>Tại ngày 01/01/2016</u>	<u>Tại ngày 30/6/2016</u>	<u>Tại ngày 01/01/2016</u>	<u>Tại ngày 30/6/2016</u>	<u>Tại ngày 01/01/2016</u>	<u>Tại ngày 30/6/2016</u>	<u>Tại ngày 01/01/2016</u>	<u>Tại ngày 30/6/2016</u>	<u>Tại ngày 01/01/2016</u>
	Tài sản của bộ phận	59.859	32.954	34.491	32.124	31.476	41.806	-	-	125.827
Tài sản không phân bổ									-	-
Tổng tài sản									125.827	106.884

ĐVT: 1.000.000VND

	<u>Dịch vụ hướng dẫn du lịch</u>		<u>Bán vé máy bay</u>		<u>Hoạt động khác</u>		<u>Loai trừ</u>		<u>Tổng cộng</u>	
	<u>Tại ngày 30/6/2016</u>	<u>Tại ngày 01/01/2016</u>	<u>Tại ngày 30/6/2016</u>	<u>Tại ngày 01/01/2016</u>	<u>Tại ngày 30/6/2016</u>	<u>Tại ngày 01/01/2016</u>	<u>Tại ngày 30/6/2016</u>	<u>Tại ngày 01/01/2016</u>	<u>Tại ngày 30/6/2016</u>	<u>Tại ngày 01/01/2016</u>
	Nợ phải trả của bộ phận	62.211	35.277	10.249	29.800	24.144	12.643	-	-	96.603
Nợ phải trả không phân bổ									-	-
Tổng nợ phải trả									96.603	77.721

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

ĐVT: 1.000.000VND

Dịch vụ hướng dẫn du lịch	Bán vé máy bay		Hoạt động khác		Loai trừ		Tổng cộng			
	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước		
Chi phí mua sắm TSCĐ trong kỳ	-	4.141	-	-	-	-	-	-	4.141	
Chi phí khấu hao trong kỳ	391	304	-	-	772	1.318	-	-	1.163	1.622

Bên cạnh những thông tin về hoạt động kinh doanh của các bộ phận dựa trên cơ cấu tổ chức hoạt động của Công ty, những dữ liệu dưới đây còn trình bày các thông tin theo khu vực địa lý là bộ phận thứ yếu.

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2016

ĐVT: 1.000.000VND

	TP.Hồ Chí Minh		Các khu vực khác		Loai trừ		Tổng cộng	
	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu								
Từ khách hàng bên ngoài	175.360	207.164	19.983	13.435	-	-	195.343	220.599
Giữa các bộ phận	48.256	51.560	3.405	3.908	(51.661)	(55.468)	-	-
Cộng	223.616	258.724	23.388	17.343	(51.661)	(55.468)	195.343	220.599
Tài sản của bộ phận cuối kỳ	107.691	101.758	18.136	5.125	-	-	125.827	106.884
Chi phí mua sắm TSCĐ trong kỳ	-	4.254	-	-	-	-	-	4.254

Doanh thu bộ phận được dựa trên cơ sở vị trí địa lý của khách hàng. Tài sản và chi phí mua sắm tài sản cố định bộ phận được trình bày theo vị trí địa lý của tài sản.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**5.17. Thông tin về các bên có liên quan**

Trong kỳ, Công ty có các cá nhân dưới đây được xác định là các bên liên quan theo định nghĩa của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26:

Danh sách các bên liên quan

1. Ông Nguyễn Việt Hùng
2. Ông Đoàn Thiện Tánh
3. Ông Đặng Trung Nghĩa

Mối quan hệ

Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Thù lao và thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được chi tiết như sau:

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Thu nhập Tổng Giám đốc	109.410.200	155.634.000
Thu nhập các nhân viên quản lý chủ chốt khác	228.937.040	268.256.000
Cộng	<u>338.347.240</u>	<u>423.890.000</u>

5.18. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

5.19. Các thông tin khác

Công ty là bị đơn trong một vụ kiện liên quan đến yêu cầu thanh toán tiền thuê mặt bằng từ tháng 10/2007 và hoàn trả mặt bằng tại 127-129A Nguyễn Huệ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện vụ kiện đang được các cơ quan chức năng thụ lý. Kết quả của vấn đề này hiện không thể xác định được và không có bất kỳ khoản dự phòng công nợ phải trả nào có liên quan được ghi nhận trong báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016.

6. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 10 tháng 08 năm 2016.



NGUYỄN VIỆT HÙNG
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2016

LÊ THỊ HOÀNG HÀ
Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ THẢO VI
Người lập